

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						499 973	268 969	199 773			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						<u>38 306</u>	<u>6 139</u>	<u>32 167</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>6 164</i>	<i>6 139</i>	<i>25</i>			
1		ĐẠM HÀ BẮC	14/11	1389/11	30/11	QN 4330	CẨM 4A.1	1 700	1 693	7	14/11	HỘ LỎN	món: 1.685
2		ĐẠM HÀ BẮC	15/11	1392/11	29/11	QN 4140	CẨM 4A.1	1 800	1 793	7	15/11	HỘ LỎN	món: 1.785,47
3		CP VT&KD THAN	12/11	76/11	19/11	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000	992	8	16/11	TD	GIA HẠN L1
4		CHUYỂN TẢI ROYAL 88	12/11	23/11		CỬA ÔNG 14	CẨM 1	1 664	1 661	3	14/11		món: 1.663,33
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						<i>32 142</i>		<i>32 142</i>			
1		ĐẠM HÀ BẮC	11/11	1384/11	26/11	QN 4320	CẨM 4A.1	1 700		1 700		HỘ LỎN	
2		ĐẠM HÀ BẮC	11/11	1385/11	26/11	1 TĐ 12	CẨM 4A.1	2 392		2 392		HỘ LỎN	
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/11	1388/11	30/11	HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 000		23 000		HỘ LỎN	
4		CROMIT	11/11	132/11	18/11	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
5		CP ĐTTM&DV	12/11	148/11	19/11	BN 1468	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	
6		CP ĐTTM&DV	12/11	150/11	19/11	BN 0718	CỤC XỎ 1C	1 070		1 070		TD	
7		DVVT QN	16/11	120/11	23/11	BN 1135	CỤC XỎ 1C	910		910		TD	GIA HẠN L1
8		ĐTTM&DV	16/11	130/11	23/11	HD 2225	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	GIA HẠN L1
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>214 250</u>	<u>153 274</u>	<u>60 976</u>			
		<i>Tàu đang làm hàng</i>						<i>214 250</i>	<i>153 274</i>	<i>60 976</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/11	1372/11		GOLDEN STAR	CẨM 6A.14	23 500	23 273	227	16/11	HỘ LỎN	KDTC: 9.893,76 - CLM: 9.908,23 - KVCP: 3.471,07
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/11	1374/11	22/11	HẢI NAM 79	CẨM 6A.14	27 400	27 431	- 31	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTCO: 23.551,64 - KVCP: 3.879,08
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/11	1381/11		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 6A.14	23 300	21 391	1 909	RÓT DỖ	HỘ LỎN	KDTC: 8.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 5.300
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	10/11	1379/11		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.14	29 500	21 975	7 525	RÓT DỖ	HỘ LỎN	KDTC: 10.000 - CLM: 10.000 - KVCP: 9.500
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/11	1371/11		VIỆT THUẬN 235-07	CẨM 6A.10	23 050	22 982	68	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTCO: 14.800,32 - CLM: 3.173,85 - KDTC: 2.951,37 - KVCP: 2.056,32
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/11	1380/11		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CẨM 6A.1	23 300	10 865	12 435	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300
7		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	14/11	1387-B/11		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.1	40 600	22 557	18 043	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTCO: 22.557,25 - KVCP: 5.000 - TTHG: 13.000
8		ĐIỆN DUYÊN HẢI	11/11	1383/11		VIỆT THUẬN 26-01	CẨM 5B.14	23 600	2 800	20 800	RÓT DỖ	HỘ LỎN	TTHG: 11.600 - KDTC: 12.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>											
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>75 783</u>	<u>45 585</u>	<u>30 198</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>50 653</i>	<i>45 585</i>	<i>5 068</i>			
1		ĐẠM HÀ BẮC	12/11	1385/11	26/11	1TĐ 12	CẨM 4A.1	2 392	2 376	16	14/11	HỘ LỎN	ĐN - CS
2		HẢI PHÒNG	14/11	167	28/11	HP 4852	CẨM 6B.1	1 350	1 340	10	14/11	PTCB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		CROMIT CD	16/11	200	23/11	KHÁNH MINH 68	CẨM 7C	2 660	771	1 889	DỖ	PT CB	ĐN - CS
4		NINH BÌNH	14/11	176	28/11	HP 5286	CẨM 7B	2 970	1 507	1 463	DỖ	PT CB	CAO SƠN
5		COALIMEX	12/11	140	19/11	QN - 8259	CẨM 7A	1 690	1 684	6	16/11	PT CB	ĐN - CS
6		NINH BÌNH	14/11	175	28/11	HD 9969	CẨM 7B	1 960	1 929	31	15/11	PTCB	CAO SƠN
7		CP DVVT QUẢNG NINH	10/11	124	17/11	HD 1991	CẨM 8A	1 800	1 779	21	14/11	TD	CAO SƠN
8		MIỀN TRUNG	12/11	73	19/11	AN THÀNH 18	CẨM 8A	2 400	2 385	16	14/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
9		HÀ NỘI	10/11	1 189	17/11	BN - 2006	CỤC 1A	1 000	995	5	14/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
10		THAN UÔNG BÍ	14/11	174	21/11	BN 2227	CẨM 7C	1 932	1 917	15	15/11	TD	CAO SƠN
11		CTY TNHH TRƯỜNG ANH 888	12/11	145	19/11	HD - 2299	CẨM 7C	1 976	1 961	15	15/11	TD	CAO SƠN
12		NINH BÌNH	14/11	173	21/11	BN 1818	CẨM 7C	1 980	1 965	15	15/11	TD	CAO SƠN
13		UÔNG BÍ	14/11	160	21/11	BN 2839	CẨM 7C	2 748	1 584	1 164	dờ	TD	ĐN - CS
14		CẦU ĐUÔNG	14/11	168	21/11	BN 2335	CẨM 7C	1 360	1 355	5	15/11	TD	ĐN - CS
15		CP ĐTTM&DV	11/11	134	18/11	HD - 2099	CẨM 7C	1 975	1 968	7	15/11	TD	CAO SƠN
16		CẦU ĐUÔNG	14/11	171	21/11	HD 6628	CẨM 8A	1 940	1 928	12	15/11	TD	ĐN - CS
17		KDT HÀ NỘI	14/11	169	21/11	BN 1336	CẨM 8A	1 000	985	15	15/11	TD	ĐN - CS
18		CP VT&KD THAN	14/11	1025/10	21/11	BN - 2225	CỤC 1B	1 100	1 095	5	15/11	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L3
19		UÔNG BÍ	14/11	160	21/11	BN 2839	CẨM 7C	2 748	2 722	26	16/11	TD	ĐN - CS
20		NINH BÌNH	15/11	186	22/11	NB - 6685	CẨM 7C	1 900	1 887	13	16/11	TD	CAO SƠN
21		CP VT THUỶ	15/11	184	22/11	BN - 2189	CẨM 7C	1 400	1 393	7	16/11	TD	CAO SƠN
22		MIỀN TRUNG	13/11	1 183	20/11	THÀNH AN 45	CỤC 1B	950	690	260	DỖ	TD	ĐN - CS - GIA HẠN L2
23		CẦU ĐUÔNG	15/11	183	22/11	BN - 2115	CẨM 7C	1 500	1 492	8	16/11	TD	ĐN - CS
24		NINH BÌNH	16/11	192	23/11	BN - 1879	CẨM 7C	1 060	1 053	7	16/11	TD	CAO SƠN
25		CP VT THUỶ	12/11	143	19/11	BN - 0959	CẨM 8A	1 350	1 346	4	16/11	TD	ĐN - CS
26		HÀ NAM NINH	14/11	177	21/11	BN 2012	CẨM 8A	1 972	1 954	18	16/11	TD	THAY TBGT SỐ 159/11
27		CP ĐTTM&DV	16/11	197	23/11	BN - 2203	CẨM 8A	1 560	1 547	13	16/11	TD	ĐN - CS
28		COALIMEX	13/11	156	20/11	VIỆT TRUNG 68	CẨM 8A	1 980	1 976	4	15/11	TD	ĐN - CS
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>25 130</i>		<i>25 130</i>			
1		COALIMEX	10/11	125	17/11	QN - 6190	CẨM 7A	1 030		1 030		PT CB	CAO SƠN
2		NINH BÌNH	15/11	182	22/11	BN - 2882	CẨM 7B	2 535		2 535		PT CB	CAO SƠN
3		CP VT&KD THAN	10/11	42	17/11	BN - 0869	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
4		SÔNG HỒNG	10/11	47	17/11	BN - 0766	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
5		XD CN MỎ	10/11	51	17/11	BN - 1296	CỤC 1A	1 150		1 150		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
6		CP VT THUỶ	13/11	82	20/11	BN - 1626	CỤC 1A	917		917		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
7		CP HÀNG HẢI VN	13/11	85	20/11	BN - 0962	CỤC 1B	1 164		1 164		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
8		CP DVVT QUẢNG NINH	14/11	89	21/11	BN - 2611	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
9		CP SXTM THAN UÔNG BÍ	14/11	98	21/11	BN - 2056	CỤC 1B	1 072		1 072		TD	ĐN - CS - GIA HẠN L1
10		HÀ NAM NINH	13/11	159	20/11	BN - 2012	CÁM 8A	1 972		1 972		TD	CAO SƠN
11		CẦU ĐUÔNG	14/11	170	21/11	BN 1997	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	THỐNG NHẤT
12		MIỀN BẮC	14/11	172	21/11	BN 2662	CÁM 7A	1 950		1 950		TD	ĐN - CS
13		CP DVVT QUẢNG NINH	15/11	188	22/11	BN - 1962	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
14		CP ĐTTM&DV	15/11	189	22/11	BN - 2567	CÁM 8A	1 790		1 790		TD	ĐN - CS
15		NINH BÌNH	16/11	195	23/11	BN - 2005	CÁM 8A	1 500		1 500		TD	CAO SƠN
16		CẦU ĐUÔNG	16/11	196	23/11	HN - 2187	CÁM 7A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
17		HÀ NỘI	16/11	198	23/11	BN - 2397	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
18		CP DVVT QUẢNG NINH	16/11	199	23/11	HD - 2095	CÁM 8A	1 900		1 900		TD	CAO SƠN
19		COALIMEX	16/11	201	23/11	BN - 2519	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	ĐN - CS
III		<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>						<u>10 172</u>	<u>10 145</u>	<u>27</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>10 172</i>	<i>10 145</i>	<i>27</i>			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI		236/11		VIỆT THUẬN TĐ 12	CÁM 5B.14	4 200	4 182	18	14/11		
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI		240/11		HD 2534	CÁM 5B.14	2 380	2 375	5	15/11		
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI		243/11		SƠN HẢI 09	CÁM 5B.14	3 592	3 588	4	16/11		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		<u>KHO CẢNG KM6</u>						<u>31 231</u>	<u>28 327</u>	<u>2 904</u>			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>28 646</i>	<i>28 327</i>	<i>319</i>			
1		THAN MIỀN NAM	13/11	153	20/11	QUANG HUY 36	CỤC 4A.2	1 300	1 292	8	14/11	BAUXIT	
2		THAN MIỀN NAM	13/11	153	20/11	QUANG HUY 36	CÁM 5A.1	1 500	1 493	7	14/11	BAUXIT	
3		THAN MIỀN NAM	14/11	178	21/11	TRƯỜNG XUÂN 36	CỤC 4A.2	1 400	1 392	8	15/11	BAUXIT	
4		THAN MIỀN NAM	14/11	178	21/11	TRƯỜNG XUÂN 36	CÁM 5A.1	1 750	1 742	8	15/11	BAUXIT	
5		CROMIT	13/11	155	20/11	MINH TÂN 18	CÁM 5A.1	3 700	3 687	13	14/11	PTCB	
6		KDT MIỀN BẮC	13/11	158	27/11	TB 1619	CÁM 5B.1	2 600	2 585	15	14/11	PTCB	
7		CBT QUẢNG NINH	13/11	154	27/11	QN 7535	CÁM 5B.1	1 155	1 141	14	14/11	PTCB	
8		CBT QUẢNG NINH	14/11	166	28/11	QN 7618	CÁM 5B.1	1 666	1 642	24	14/11	PTCB	
9		KDT HÀ NAM NINH	15/11	185	29/11	BN 2626	CÁM 5B.1	1 779	1 775	4	15/11	PTCB	

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 11 NĂM 2025

[illegible]